TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 02 - 2020
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Thanh Sỹ

2. Bà Hoàng Thị Thu Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn";*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 112/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim M**, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Đường D, khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Quang T**, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Văn B** - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV J, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim M.

(Bà M, ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim M trình bày:

Bà và ông Bùi Quang T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003 nhưng cả hai không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không còn yêu thương, chăm sóc, chia sẻ cùng bà những khó khăn trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay, bà và ông T đã sống ly thân. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Bùi Quang T.

Về con chung: Hai vợ chồng bà có 03 người con chung là cháu Bùi Thái Kim H, sinh năm: 2006, Bùi Thái Quang U, sinh năm: 2014, Bùi Thái Phương T, sinh năm: 2017. Sau khi ly hôn, bà đề nghị giao ba con chung cho bà chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà có nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng không cung cấp được các chứng cứ, tài liệu chứng minh nên Tòa án đã thông báo không chấp nhập yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bản tự khai và và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Bùi Quang T trình bày*:**

Ông và bà Lê Thị Kim M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Bà M thường xuyên bỏ nhà đi và có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không chăm sóc con cái, mặc dù ông đã nhiều lần tha thứ nhưng Bà M vẫn không thay đổi. Nay, Bà M yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông với Bà M thì ông đồng ý vì ông và Bà M tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Hai vợ chồng bà có 03 người con chung là cháu Bùi Thái Kim H, sinh năm: 2006, Bùi Thái Quang U, sinh năm: 2014, Bùi Thái Phương T, sinh năm: 2017. Sau khi ly hôn, ông đề nghị giao ba con chung cho ông chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, ông không yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 112/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim M và ông Bùi Quang T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thái Kim H, sinh năm: 2006, Bùi Thái Quang U, sinh năm: 2014, Bùi Thái Phương T, sinh năm: 2017 cho ông Bùi Quang T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời bà Lê Thị Kim M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kim M vẫn được quyền thăm nom con, không ai được cản trở Bà M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 05 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn đơn bà Lê Thị Kim M kháng cáo yêu cầu hủy Toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo: Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xét xử vụ án nêu trên, phiên tòa kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày. Đến 13 giờ 26 phút, ngày 18

tháng 11 năm 2019, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn rút đơn khởi kiện do bà Lê Thị Kim M gửi đến theo đường bưu điện. Qua dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS), có đóng dấu 'Biên Hòa GD', thể hiện Bà M gửi đơn đề nghị rút đơn khởi kiện vào ngày 15 tháng 11 năm 2019. Vì vậy, đơn rút đơn khởi kiện của Bà M là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim M, hủy bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo về việc nuôi con chung khi ly hôn nhưng do bản án sơ thẩm đã bị hủy và đình chỉ nên đề nghị không xem xét về con chung theo đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim M làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim M: Ngày 06 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án ly hôn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim M với bị đơn ông Bùi Quang T. Tuy nhiên, vào ngày 05 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn bà Lê Thị Kim M có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 06 tháng 11 năm 2019. Ngày 06 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2019/QĐST-HNGĐ và đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim M để tham gia phiên tòa vào ngày 18 tháng 11 năm 2019. Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã mở phiên tòa sơ thẩm xử xét xử vụ án ly hôn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim M với bị đơn ông Bùi Quang T, phiên tòa kết thúc vào lúc 09 giờ 45 phút cùng ngày.

Sau khi kết thúc phiên tòa, đến 13 giờ 26 phút, Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhận được đơn rút đơn khởi kiện do bà Lê Thị Kim M gửi đến theo đường bưu điện và trên dấu bưu điện thể hiện Bà M gửi đơn vào ngày 15 tháng 11 năm 2019. Theo quy định tại khoản 2 Điều 190 thì ngày nộp đơn được tính là ngày ghi trên dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi. Như vậy, tại thời điểm xét xử, Tòa án nhân dân huyện Long Thành không biết được việc bà Lê Thị Kim M có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nên vẫn tiến hành xét xử là lý do khách quan. Do đó, bà Lê Thị Kim M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Từ những cơ sở trên, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy cần phải hủy Bản án sơ thẩm số: 112/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Do hủy án sơ thẩm nên Tòa cấp phúc thẩm không xem xét về quan hệ hôn nhân, con chung và về chia tài sản chung.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nguyên đơn bà Lê Thị Kim M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim M.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số: 112/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về: "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim M với bị đơn ông Bùi Quang T.

3. Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005376 ngày 05 tháng 8 năm 2019 và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002894 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Tòa HNGĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh phong